TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 8 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Xuân.

2. Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985 (vắng có đơn).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (BL 02) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày: Chị với anh Lê Văn H chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Thảo M, sinh ngày 01/9/2008 hiện do chị nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau hay cự cải chuyện gia đình, chung sống

không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Thảo M, sinh ngày 01/9/2008 mà không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn H vắng mặt và không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Cháu Lê Thảo M vắng mặt nhưng có bản tự khai như sau: Cháu là con chung của mẹ là Nguyễn Ngọc T và cha là Lê Văn H. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Nguyễn Ngọc T.

Tại phiên tòa:

Tất cả các đương sự vắng mặt, không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T. Cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Lê Văn H. Về con chung, giao con chung tên Lê Thảo M, sinh ngày 01/9/2008 cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Về chia tài sản chung, chị T không tranh chấp nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung, chị T không tranh chấp nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật vụ án này là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Lê Văn H có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại

điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Văn H nhận (BL 16). Các văn bản tố tụng tiếp theo Tòa án tống đạt trực tiếp cho ông Lê Văn H là cha ruột của anh Lê Văn H nhận thay và ông H đã trực tiếp giao và thông báo lại cho anh H biết. Tuy nhiên anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa và chị T vắng có đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[3] Về nội dung:

Xét thấy, chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2007 (BL 03) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị T là do vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng ý kiến, không hòa hợp được nên chung sống không hạnh phúc, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Tòa án tiến hành ghi lời khai ông Lê Văn H là cha ruột của anh H thì được ông H cho biết vợ chồng chị T và anh H sống chung không còn hạnh phúc do thường xuyên cự cải, ghen tuông, chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay (BL 26-27, 33-34). Ngoài ra Tòa án còn xác minh chính quyền địa phương nơi chị T và anh H chung sống với nhau thì được biết chị T và anh H có mâu thuẫn do ghen tuông, hay cự cải, chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay (BL 25).

Tòa án đã tiến hành mời chị T và anh H nhiều lần đến Tòa án để hòa giải nhằm hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án. Vấn đề này thấy rằng anh H đã bỏ mặc hôn nhân của mình, đồng thời tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử sẽ xem xét việc yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

Về con chung: Chị T và cha của anh H cùng với địa phương xác định là trong thời gian chung sống, chị T và anh H có 01 người con chung tên Lê Thảo M, sinh ngày 01/9/2008 hiện do chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng Hội đồng xét xử cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Thảo M. Vấn đề này thấy rằng, từ trước đến nay cháu Lê Thảo M do chị T nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cho cháu M phát triển tốt về mọi mặt. Hơn nữa cháu M có lời khai là nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ (BL 19) nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cháu M cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với anh Lê Văn H nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với anh Lê Văn H nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với anh Lê Văn H nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Dành cho anh Lê Văn H một vụ kiện khác để yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung với chị Nguyễn Ngọc T khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T.

Cho chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thảo M, sinh ngày 01/9/2008 cho chị Nguyễn Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đây cũng là phù hợp với ý chí nguyện vọng của cháu Lê Thảo M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với anh Lê Văn H nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với anh Lê Văn H nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với anh Lê Văn H nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Dành cho anh Lê Văn H một vụ kiện khác để yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung với chị Nguyễn Ngọc T khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000834 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Ngọc T và anh Lê Văn H được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện KSND huyện Cầu Kè;
- Chi CTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Dương Chí Điền